TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 12** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **87**/2026/QĐST-VHNGĐ	*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 5 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 220/2026/TLST-VHNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2026 về việc *"Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn"*, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Bà Trần Thị Kim H, sinh ngày 10/02/1988, số CCCD: 092188013678 cấp ngày 17/6/2022

HKTT: 25 Lê Văn Lương, khu phố 11, phường Tân Hưng, Thành phố Hồ Chí Minh

Chỗ ở: Tổ 9, khu phố Phước Hưng, phường Phú Mỹ, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Ông Phạm Văn K, sinh ngày 14/6/1980, số CCCD: 022080000134 cấp ngày 26/4/2023.

HKTT: Tổ 5, khu 1, phường Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh

Chỗ ở: Tổ 9, khu phố Phước Hưng, phường Phú Mỹ, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Trần Thị Kim H và ông Phạm Văn K tự nguyện tìm hiểu, tiến tới hôn nhân và đăng ký kết hôn tại UBND phường T, quận G, thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh) theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 165, quyển số 01/2015 ngày 18/12/2015, nên xác định đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Tại biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 28 tháng 4 năm 2026, bà H và ông K xác nhận: Mâu thuẫn vợ chồng đến nay đã trầm trọng, không thể hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được và đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Căn cứ vào Điều 55 Luật hôn nhân gia đình thì việc bà H và ông K thuận tình ly hôn là hoàn toàn có căn cứ.

[2] Về con chung: Bà Trần Thị Kim H và ông Phạm Văn K có 02 con chung tên Trần Trí T, sinh ngày 20/10/2006 và Trần Trí T1, sinh ngày 15/4/2014.

Sau ly hôn, ông bà thỏa thuận giao cháu Trần Trí T1 cho bà Trần Thị Kim H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Ông Phạm Văn K không cấp dưỡng nuôi con. Đối với cháu T đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Xét thấy thỏa thuận trên của đương sự là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí việc hôn nhân: Bà Trần Thị Kim H và ông Phạm Văn K mỗi người phải chịu 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng).

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Trần Thị Kim H và ông Phạm Văn K.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về hôn nhân: Bà Trần Thị Kim H và ông Phạm Văn K thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Bà Trần Thị Kim H và ông Phạm Văn K có 02 con chung tên Trần Trí T, sinh ngày 20/10/2006 và Trần Trí T1, sinh ngày 15/4/2014.

Sau ly hôn, ông bà thỏa thuận giao cháu Trần Trí T1 cho bà Trần Thị Kim H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Ông Phạm Văn K không cấp dưỡng nuôi con. Đối với cháu T đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được quyền cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc ảnh hưởng xấu đến việc thăm con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó.

Vì lợi ích mọi mặt của con chung, mức cấp dưỡng nuôi con, người trực tiếp nuôi con được thực hiện theo quy định của pháp luật.

2.3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về lệ phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Trần Thị Kim H và ông Phạm Văn K phải nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) lệ phí hôn nhân và gia đình sơ

thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng lệ phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 23411 ngày 14/4/2026 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

5. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- THADS TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND khu vực 12 - TP. Hồ Chí Minh;
- UBND phường Tân Hưng, TP HCM;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Bùi Xuân Thường